



Công Ty CP
Tập Đoàn
Thủy Sản
Minh Phú

Digitally signed by Công Ty CP
Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú
DN: c=VN, st=HST, 2000393273,
l=Khu công nghiệp phường 8,
TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau,
o=Công Ty CP Tập Đoàn Thủy
Sản Minh Phú, ou=Có BHLHQDT,
cn=Công Ty CP Tập Đoàn Thủy
Sản Minh Phú,
email=vochikien1@gmail.com
Date: 2018.03.17 11:02:47
+07'00'

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014
	2000393273 (điều chỉnh lần 2)	ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Chu Văn An Ông Lê Văn Diệp Ông Lê Ngọc Anh Bà Lê Thị Dịu Minh Ông Phan Thanh Lộc Bà Hồ Thu Lê	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 9 tháng 3 năm 2018) Thành viên (từ ngày 9 tháng 3 năm 2018)
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Chu Văn An Ông Thái Hoàng Hùng Ông Lê Văn Diệp Ông Bùi Anh Dũng Ông Lê Ngọc Anh Bà Lê Thị Dịu Minh Ông Nguyễn Tấn Anh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2017)
--------------------------	--	--

Ban kiểm soát	Ông Trần Văn Khánh Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc Bà Đỗ Thị Hạnh	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



[Signature]
Lê Văn Diệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 12 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-247/02



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.187.586.004.886	3.762.593.165.369
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.023.604.779.985	1.106.270.875.699
Tiền	111		92.004.779.985	25.670.875.699
Các khoản tương đương tiền	112		931.600.000.000	1.080.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		171.497.174.300	406.366.007.876
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(8.613.935.111)	(10.045.101.535)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	165.300.000.000	401.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.813.976.117.788	1.322.884.482.370
Phải thu của khách hàng	131	7	1.714.646.254.917	1.152.719.308.951
Trả trước cho người bán	132		23.572.485.465	58.739.666.605
Phải thu về cho vay	135		-	10.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	75.757.377.406	101.425.506.814
Hàng tồn kho	140	9	1.172.038.149.104	896.738.401.151
Hàng tồn kho	141		1.183.480.719.131	910.349.191.287
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.442.570.027)	(13.610.790.136)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.469.783.709	30.333.398.273
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.406.216.430	400.442.358
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.375.971.475	21.708.251.713
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	15(b)	687.595.804	8.224.704.202

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.599.147.313.593	1.581.569.711.037
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.306.508.578	7.306.508.578
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	7.306.508.578	7.306.508.578
Tài sản cố định	220		228.679.908.785	228.261.353.461
Tài sản cố định hữu hình	221	10	196.278.944.929	194.297.721.132
Nguyên giá	222		421.643.808.525	387.766.515.890
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(225.364.863.596)	(193.468.794.758)
Tài sản cố định vô hình	227	11	32.400.963.856	33.963.632.329
Nguyên giá	228		41.753.286.703	41.753.286.703
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.352.322.847)	(7.789.654.374)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.698.614.364	6.660.994.364
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	14.698.614.364	6.660.994.364
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.337.250.747.578	1.328.370.747.578
Đầu tư vào công ty con	251	6(c)	1.640.197.400.000	1.633.817.400.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	3.900.000.000	3.900.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(316.346.652.422)	(316.346.652.422)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	2.500.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		11.211.534.288	10.970.107.056
Chi phí trả trước dài hạn	261		11.211.534.288	10.970.107.056
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.786.733.318.479	5.344.162.876.406

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

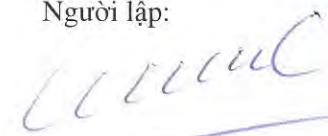
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.684.863.987.086	3.703.542.533.175
Nợ ngắn hạn	310		2.192.446.876.094	1.215.737.634.624
Phải trả người bán	311	14	374.670.725.543	109.032.269.612
Người mua trả tiền trước	312		14.619.191.387	4.179.970.561
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	15(a)	27.391.610.477	308.399.638
Phải trả người lao động	314		41.313.462.019	42.830.880.902
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	14.724.492.059	18.382.003.386
Vay ngắn hạn	320	17(a)	1.676.060.982.095	1.002.200.700.199
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	18	43.666.412.514	38.803.410.326
Nợ dài hạn	330		1.492.417.110.992	2.487.804.898.551
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	2.500.000.000	2.500.000.000
Trái phiếu	338	17(b)	1.487.916.666.677	2.482.916.666.673
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	13	2.000.444.315	1.504.396.502
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	883.835.376
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.101.869.331.393	1.640.620.343.231
Vốn chủ sở hữu	410	19	2.101.869.331.393	1.640.620.343.231
Vốn cổ phần	411	20	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	20	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	31.920.523.434	9.789.721.526
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.272.234.029.584	833.115.843.330
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		800.461.707.901	724.268.725.236
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		471.772.321.683	108.847.118.094
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.786.733.318.479	5.344.162.876.406

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	10.270.359.565.000	8.183.582.881.040
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	34.414.121.962	46.775.708.292
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	23	10.235.945.443.038	8.136.807.172.748
Giá vốn hàng bán	11	24	9.308.086.985.420	7.601.735.013.714
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		927.858.457.618	535.072.159.034
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	106.376.595.282	147.113.453.788
Chi phí tài chính	22	26	189.282.163.975	279.209.466.041
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.046.458.484	147.510.699.614
Chi phí bán hàng	25	27	249.929.145.343	235.707.047.164
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	60.211.337.933	53.468.933.094
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		534.812.405.649	113.800.166.523
Thu nhập khác	31		2.969.662.059	3.399.648.558
Chi phí khác	32		1.661.054.318	726.553.489
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.308.607.741	2.673.095.069
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		536.121.013.390	116.473.261.592
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	63.852.643.894	6.318.026.109
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	496.047.813	1.308.117.389
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		471.772.321.683	108.847.118.094

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

(Chữ ký)

Lưu Minh Trung
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Văn Điệp
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		536.121.013.390	116.473.261.592
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.063.688.083	33.345.867.607
Các khoản dự phòng	03		(3.599.386.533)	67.687.253.838
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.413.580.620)	(3.989.616.283)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(216.041.681)	(163.592.304)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(72.745.609.431)	(125.296.864.664)
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06		125.046.458.488	152.510.699.618
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		617.256.541.696	240.567.009.404
Biến động các khoản phải thu	09		(511.770.703.749)	11.418.551.342
Biến động hàng tồn kho	10		(273.131.527.844)	1.092.714.039.838
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		272.665.410.125	(37.617.295.092)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.247.201.304)	188.155.260
			103.772.518.924	1.307.270.460.752
Tiền lãi vay đã trả	14		(122.977.090.421)	(150.800.823.831)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.843.572.311)	(1.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.660.331.333)	(77.351.825.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(53.708.475.141)	1.078.117.811.552

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(42.405.806.344)	(9.356.220.580)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		300.000.000	1.539.999.999
Tiền chi cho bên liên quan vay	23		-	(10.000.000.000)
Tiền chi đầu tư trái phiếu	23		(2.500.000.000)	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(165.300.000.000)	(682.700.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	23		401.600.000.000	872.100.000.000
Tiền thu hồi từ khoản cho vay	24		10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		(6.380.000.000)	(955.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		100.038.206.376	114.868.132.168
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		295.352.400.032	285.496.911.587

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay nhận được	33		8.047.239.915.258	5.826.187.799.921
Tiền chi trả nợ vay và mua lại trái phiếu	34		(8.372.785.150.781)	(6.727.505.606.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(325.545.235.523)	(901.317.806.390)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(83.901.310.632)	462.296.916.749
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.106.270.875.699	631.784.693.548
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		1.235.214.918	12.189.265.402
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	1.023.604.779.985	1.106.270.875.699

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

[Signature]

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Căn cứ theo quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là MPC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 13 công ty con (1/1/2017: 12 công ty con) và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 6.612 nhân viên (1/1/2017: 6.218 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo bình quân tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 43 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến việc mua quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình mua lại quyền sử dụng đất.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi Công ty mua lại cổ phiếu đã được phát hành trước đây, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản

<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Tổng VND
Doanh thu của bộ phận	9.059.610.618.174	1.176.334.824.864	10.235.945.443.038
Kết quả kinh doanh của bộ phận	546.728.619.308	70.989.355.034	617.717.974.342
Doanh thu hoạt động tài chính			106.376.595.282
Chi phí tài chính			(189.282.163.975)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			534.812.405.649
Thu nhập khác			2.969.662.059
Chi phí khác			(1.661.054.318)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(64.348.691.707)
Lợi nhuận thuần sau thuế			471.772.321.683

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Tổng VND
Doanh thu của bộ phận	7.388.412.994.909	748.394.177.839	8.136.807.172.748
Kết quả kinh doanh của bộ phận	223.279.535.093	22.616.643.683	245.896.178.776
Doanh thu hoạt động tài chính			147.113.453.788
Chi phí tài chính			(279.209.466.041)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			113.800.166.523
Thu nhập khác			3.399.648.558
Chi phí khác			(726.553.489)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(7.626.143.498)
Lợi nhuận thuần sau thuế			108.847.118.094

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	2017 VND	2016 VND
Việt Nam	2.764.379.844.800	1.058.513.424.005
Bắc Mỹ	4.515.544.743.560	4.731.370.441.273
Châu Âu	277.817.907.573	512.031.031.307
Nhật Bản	1.783.883.341.131	1.118.666.163.480
Hàn Quốc	27.459.529.430	43.161.206.943
Các vùng địa lý khác	866.860.076.544	673.064.905.741
	10.235.945.443.038	8.136.807.172.748

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Việt Nam	4.994.787.169.977	4.299.833.817.141
Bắc Mỹ	348.368.274.097	969.255.194.685
Nhật Bản	195.828.380.374	21.292.951.678
Các vùng địa lý khác	247.749.494.031	53.780.912.902
	5.786.733.318.479	5.344.162.876.406

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	488.626.106	3.128.373.750
Tiền gửi ngân hàng	91.516.153.879	22.542.501.949
Các khoản tương đương tiền	931.600.000.000	1.080.600.000.000
	1.023.604.779.985	1.106.270.875.699

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017				1/1/2017			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	171.578	6.004.500.000	3.337.192.100	(3.439.408.900)	171.578	6.004.500.000	1.990.304.800	(4.155.995.200)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.311.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	810.350	-	19	80.000	468.350	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tụ Thấp Việt Nam	18.823	272.941.176	188.230.000	(84.711.176)	18.823	272.941.176	449.681.470	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	163.646	3.270.588.235	1.832.835.200	(946.815.035)	163.646	3.270.588.235	2.070.121.900	(1.578.106.335)
		14.811.109.411	6.479.067.650	(8.613.935.111)		14.811.109.411	5.462.576.520	(10.045.101.535)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	10.045.101.535	8.378.460.000
Tăng dự phòng trong năm	84.711.176	1.666.641.535
Hoàn nhập	(1.515.877.600)	-
Số dư cuối năm	8.613.935.111	10.045.101.535

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	165.300.000.000	401.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Trái phiếu ngân hàng	2.500.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,5% đến 6,8% trong năm (2016: từ 5,0% đến 7,6%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 92.000 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17(a)).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017. Toàn bộ trái phiếu này sẽ đến hạn hoàn trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2036. Trái phiếu này hưởng lãi suất dao động từ 7,7% đến 7,8% trong năm (2016: Không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đầu tư góp vốn vào:

Các công ty con

- Công ty Cổ phần Mseafood
- Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát
- Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang
- Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú
- Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú
- Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú
- Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang
- Công ty TNHH Kho vận Ebisumo
- Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (*)
- Doanh nghiệp Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú (**)

	% sở hữu	% lợi ích kinh tế (i)	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000		- (***)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	67,5%	67,5%	585.000.000.000		- (***)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000		- (***)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	95,0%	95,0%	95.000.000.000		- (***)
Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,1%	99,1%	152.520.000.000	(148.650.000.000)	(***)
Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	98,5%	98,5%	29.550.000.000	(16.869.553.925)	(***)
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	151.000.000.000	(150.000.000.000)	(***)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	4.500.000.000	(715.852.027)	(***)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000		- (***)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	50,0%	83,7%	100.000.000.000		- (***)
Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,0%	100,0%	935.000.000		- (***)
Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	20.000.000		- (***)
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	25,25%	45,45%	1.510.000.000		- (***)
			1.640.197.400.000	(316.235.405.952)	

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong

Đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000		-
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(111.246.470)	
			1.651.097.400.000	(316.346.652.422)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2017		Địa chỉ	% sở hữu	% lợi ích kinh tế (i)	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Các công ty con							
▪ Công ty Cổ phần Mseafood		Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang		Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	67,5%	67,5%	585.000.000.000	-	(***)
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	-	(***)
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	95,0%	95,0%	95.000.000.000	-	(***)
▪ Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang		Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,1%	99,1%	148.650.000.000	(148.650.000.000)	(***)
▪ Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú		Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	98,5%	98,5%	29.350.000.000	(16.869.553.925)	(***)
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	150.000.000.000	(150.000.000.000)	(***)
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	4.500.000.000	(715.852.027)	(***)
▪ Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú		Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang		Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	50,0%	50,0%	100.000.000.000	-	(***)
▪ Công ty TNHH Kho vận Ebisumo		Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,0%	100,0%	935.000.000	-	(***)
▪ Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú		Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	20.000.000	-	(***)
					1.633.817.400.000	(316.235.405.952)	
Công ty liên kết							
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong		Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	-	
Đơn vị khác							
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau		Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(111.246.470)	
					1.644.717.400.000	(316.346.652.422)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tỷ lệ lợi ích kinh tế thể hiện tỷ lệ lợi ích kinh tế thực của Công ty trong các công ty con bao gồm sở hữu trực tiếp và gián tiếp.
- (*) Ngày 8 tháng 8 năm 2017, căn cứ theo Biên bản họp số 81/HĐQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định điều chỉnh giảm số vốn pháp định được duyệt của Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú từ 40,8 tỷ VND xuống 2 tỷ VND và tăng vốn pháp định được duyệt của Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang và Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An lần lượt từ 153,9 tỷ VND lên 220 tỷ VND và từ 151 tỷ VND lên 180 tỷ VND. Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
- (**) Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú, tại tỉnh Cà Mau với số vốn pháp định được duyệt là 18 tỷ VND. Công ty nắm giữ trực tiếp 25,00% lợi ích của đơn vị này và nắm giữ gián tiếp 25,00% lợi ích của đơn vị này qua các công ty con. Hoạt động chính của Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú là nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.

Ngày 9 tháng 8 năm 2017, căn cứ vào giấy thỏa thuận giữa các bên góp vốn, vốn pháp định của Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú được điều chỉnh giảm từ 18 tỷ VND xuống 9,9 tỷ VND và việc điều chỉnh giảm vốn này làm thay đổi cơ cấu vốn góp của công ty này. Theo đó, Công ty nắm giữ trực tiếp 25,25% lợi ích của đơn vị này và nắm giữ gián tiếp 20,20% lợi ích của đơn vị này qua các công ty con. Các cổ đông còn lại là ông Lê Văn Quang và bà Lê Thị Dịu Minh lần lượt sở hữu 39,40% và 15,15% vốn góp của đơn vị này.

Công ty phân loại khoản đầu tư vào Doanh nghiệp Xã hội Chuỗi Tôm Rừng Minh Phú là khoản đầu tư vào công ty con do ông Lê Văn Quang và bà Lê Thị Dịu Minh đã ủy quyền cho Công ty thay mặt các cổ đông này có quyền biểu quyết tại đơn vị.

Tại ngày lập báo cáo, Công ty và những cổ đông khác chưa góp đủ vốn điều lệ cho công ty con này.

- (***) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết có giá trị ghi sổ là 450.397 triệu VND (1/1/2017: 482.895 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu dài hạn do Công ty phát hành (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của giá gốc khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.633.817.400.000	1.632.862.400.000
Tăng trong năm	6.380.000.000	955.000.000
Số dư cuối năm	1.640.197.400.000	1.633.817.400.000

Không có biến động về giá gốc của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đơn vị khác trong năm.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	316.346.652.422	247.623.473.895
Tăng dự phòng trong năm	-	68.723.178.527
Số dư cuối năm	316.346.652.422	316.346.652.422

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	620.300.335.438	39.864.423.697
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	266.016.302.808	17.347.821.966
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	252.124.511.486	217.087.487.412
Công ty Cổ phần Mseafood	25.205.874.097	646.092.794.685
Các khách hàng khác	550.999.231.088	232.326.781.191
	1.714.646.254.917	1.152.719.308.951

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	620.300.335.438	39.864.423.697
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	266.016.302.808	17.347.821.966
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	252.124.511.486	217.087.487.412
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo	162.345.640.799	-
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang	58.595.622.188	58.595.622.188
Công ty Cổ phần Mseafood	25.205.874.097	646.092.794.685
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	22.968.315.317	22.968.315.317
Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú	8.926.714.278	-
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500
	1.418.542.214.911	1.004.015.363.765

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không được hưởng lãi và đến hạn trong vòng 15 – 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 1.714.646 triệu VND (1/1/2017: 1.152.719 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17(a)). Các khoản phải thu này cũng đồng thời được dùng làm tài sản đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Công ty (Thuyết minh 17(b)).

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác (*)	57.249.299.909	57.856.799.909
Phải thu lãi tiền gửi	9.651.342.498	7.943.939.443
Tạm ứng	2.952.114.280	2.097.037.960
Cổ tức phải thu	-	29.000.000.000
Phải thu khác	5.904.620.719	4.527.729.502
	75.757.377.406	101.425.506.814

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Khoản phải thu từ các công ty con phản ánh khoản cho công ty con vay để hỗ trợ vốn luân chuyển. Các khoản cho vay không được đảm bảo, không được hưởng lãi và có thể được thu hồi khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác phản ánh khoản tạm ứng cho nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này không được hưởng lãi và có thể được thu hồi trong vòng 4 năm.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	258.452.443.626	-	-	-
Nguyên vật liệu	44.538.809.368	-	35.610.985.319	-
Công cụ và dụng cụ	1.326.851.410	-	1.256.226.668	-
Thành phẩm	879.162.614.727	(11.442.570.027)	873.481.979.300	(13.610.790.136)
	1.183.480.719.131	(11.442.570.027)	910.349.191.287	(13.610.790.136)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	13.610.790.136	16.313.356.360
Hoàn nhập	(2.168.220.109)	(2.702.566.224)
Số dư cuối năm	11.442.570.027	13.610.790.136

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.172.038 triệu VND (1/1/2017: 896.738 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17(a)). Hàng tồn kho này đồng thời cũng được dùng làm tài sản đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 174.365 triệu VND (1/1/2017: 139.737 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	117.741.227.718	212.402.727.988	44.619.373.413	13.003.186.771	387.766.515.890
Tăng trong năm	729.112.727	27.015.661.181	2.195.778.727	169.649.091	30.110.201.726
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	4.456.000.000	-	4.456.000.000
Thanh lý	-	-	(688.909.091)	-	(688.909.091)
Số dư cuối năm	118.470.340.445	239.418.389.169	50.582.243.049	13.172.835.862	421.643.808.525
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	50.898.430.293	113.159.472.489	22.516.456.488	6.894.435.488	193.468.794.758
Khấu hao trong năm	7.729.561.869	19.169.774.309	4.403.012.786	1.198.670.646	32.501.019.610
Thanh lý	-	-	(604.950.772)	-	(604.950.772)
Số dư cuối năm	58.627.992.162	132.329.246.798	26.314.518.502	8.093.106.134	225.364.863.596
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	66.842.797.425	99.243.255.499	22.102.916.925	6.108.751.283	194.297.721.132
Số dư cuối năm	59.842.348.283	107.089.142.371	24.267.724.547	5.079.729.728	196.278.944.929

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 70.674 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 57.180 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 91.690 triệu VND (1/1/2017: 92.956 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17(a)). Các tài sản cố định hữu hình này đồng thời cũng được dùng làm tài sản đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	22.181.099.585	19.572.187.118	41.753.286.703
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.526.065.940	3.263.588.434	7.789.654.374
Khấu hao trong năm	220.273.891	1.342.394.582	1.562.668.473
Số dư cuối năm	4.746.339.831	4.605.983.016	9.352.322.847
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	17.655.033.645	16.308.598.684	33.963.632.329
Số dư cuối năm	17.434.759.754	14.966.204.102	32.400.963.856

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.899 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 2.899 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 2.050 triệu VND (1/1/2017: 2.113 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17(a)). Các tài sản cố định vô hình này đồng thời cũng được dùng làm tài sản đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	6.660.994.364	3.560.994.364
Tăng trong năm	12.493.620.000	4.052.785.455
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.456.000.000)	(952.785.455)
Số dư cuối năm	14.698.614.364	6.660.994.364
Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:		
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Quyền sử dụng đất	14.698.614.364	6.660.994.364

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	88.383.538
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(2.000.444.315)	(1.592.780.040)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(2.000.444.315)	(1.504.396.502)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Magnum Export	51.279.247.933	-
Sreeragam Exports Private Limited	47.224.214.914	-
Doanh nghiệp tư nhân Minh Hy	5.582.350.041	16.088.232.201
Các nhà cung cấp khác	270.584.912.655	92.944.037.411
	374.670.725.543	109.032.269.612

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	21.711.557.868	-
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú	3.553.196.900	3.085.123.859
Minh Phu Loc An Aquaculture Co., Ltd.	2.525.483.677	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	1.675.106.976	-
	29.465.345.421	3.085.123.859

Khoản phải trả các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Không có khoản phải trả người bán nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải thu và phải nộp Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cán trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	149.377.743.214	(35.313.979.917)	(114.063.763.297)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	63.852.643.894	(28.843.572.311)	(7.837.616.753)	27.171.454.830
Thuế thu nhập cá nhân	308.399.638	3.369.255.860	(3.457.499.851)	-	220.155.647
	308.399.638	216.599.642.968	(67.615.052.079)	(121.901.380.050)	27.391.610.477

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã nộp trong năm VND	Cán trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.837.616.753	-	(7.837.616.753)	-
Thuế xuất nhập khẩu	292.022.919	263.341.045	-	555.363.964
Thuế khác	95.064.530	37.167.310	-	132.231.840
	8.224.704.202	300.508.355	(7.837.616.753)	687.595.804

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	6.037.378.393	8.968.010.330
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	3.436.500.788	4.365.121.815
Cổ tức phải trả	2.619.368.300	2.619.368.300
Phải trả khác	2.631.244.578	2.429.502.941
	14.724.492.059	18.382.003.386

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản ký quỹ nhận từ Công ty Cổ phần Việt Nam Organics để mua hàng hóa. Khoản ký quỹ nhận được không chịu lãi và phải trả trong vòng 15 năm.

Không có khoản phải trả khác nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vay và trái phiếu

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	1.002.200.700.199	1.002.200.700.199	8.047.239.915.258	(7.372.785.150.781)	(594.482.581)	1.676.060.982.095
						1.676.060.982.095

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Đơn vị	Lãi suất năm		31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
		2017	2016		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	USD	2,0% - 2,2%	1,5%	974.028.399.706	599.337.540.834
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	USD	2,0% - 3,0%	1,5% - 1,8%	407.618.902.877	320.099.032.139
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	USD	2,0% - 2,4%	-	294.413.679.512	-
Ngân Hàng Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	USD	-	1,5%	-	82.764.127.226
				1.676.060.982.095	1.002.200.700.199

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6(b))	92.000.000.000	-
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)	1.714.646.254.917	1.152.719.308.951
Hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	1.172.038.149.104	896.738.401.151
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	91.689.756.338	92.956.051.780
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	2.050.211.480	2.113.042.836
	3.072.424.371.839	2.144.526.804.718

Các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình này đồng thời cũng được dùng làm tài sản đảm bảo bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Trái phiếu

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

Mã trái phiếu	Loại tiền	Lãi suất (năm)		Số lượng		Ngày đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
		2017	2016	2017	2016			
Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi								
MPC_BOND2015	VND	7,50%	7,50%	500	1.500	11/6/2020	492.750.000.005	1.489.750.000.003
MPC_BOND2015	VND	7,50%	7,50%	1.000	1.000	20/5/2020	995.166.666.672	993.166.666.670
							1.487.916.666.677	2.482.916.666.673

Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi với kỳ hạn 5 năm có mệnh giá là 1 tỷ VND cho một trái phiếu và được đảm bảo bổ sung bằng các khoản đầu tư vào tám (8) công ty con và công ty liên kết của Công ty với giá trị ghi sổ là 450.397 triệu VND (1/1/2017: 482.895 triệu VND) (Thuyết minh 6(c)) và các tài sản khác của Công ty với giá trị ghi sổ được trình bày như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh 6)	1.714.646.254.917	1.152.719.308.951
Hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	1.172.038.149.104	896.738.401.151
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	91.689.756.338	92.956.051.780
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	2.050.211.480	2.113.042.836
	2.980.424.371.839	2.144.526.804.718

Các khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình này cũng đồng thời được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty như được trình bày ở Thuyết minh 17(a).

(*) Biến động của trái phiếu dài hạn trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.482.916.666.673	2.477.916.666.669
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	5.000.000.004	5.000.000.004
Mua lại trái phiếu (**)	(1.000.000.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	1.487.916.666.677	2.482.916.666.673

(**) Trong năm, Công ty mua lại trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành với kỳ hạn 5 năm có tổng mệnh giá là 1.000 tỷ VND trước ngày đáo hạn của trái phiếu. Không có khoản chi phí giao dịch nào phát sinh từ việc mua lại trái phiếu này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	38.803.410.326	73.721.625.985
Trích lập trong năm	5.442.355.905	-
Sử dụng quỹ trong năm	(579.353.717)	(34.918.215.659)
Số dư cuối năm	43.666.412.514	38.803.410.326

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	52.223.331.236	724.268.725.236	1.574.206.834.847
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	108.847.118.094	108.847.118.094
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(42.433.609.710)	-	(42.433.609.710)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	9.789.721.526	833.115.843.330	1.640.620.343.231
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	471.772.321.683	471.772.321.683
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	27.211.779.524	(27.211.779.524)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.442.355.905)	(5.442.355.905)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(5.080.977.616)	-	(5.080.977.616)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	31.920.523.434	1.272.234.029.584	2.101.869.331.393

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng doanh nghiệp trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	42.906.481.920	42.906.481.920
Trong vòng hai đến năm năm	2.528.185.000	45.664.501.920
	45.434.666.920	88.570.983.840

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.776.156	40.335.665.848	79.088	1.799.320.622
JPY	228.527.895	45.934.106.895	90.627.318	17.762.954.328
		86.269.772.743		19.562.274.950

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	10.228.248.226.196	8.164.308.603.420
▪ Nguyên vật liệu đã bán	28.469.627.120	5.756.278.620
▪ Phế liệu đã bán	13.641.711.684	13.517.999.000
	10.270.359.565.000	8.183.582.881.040
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(357.477.570)	(1.076.570.343)
▪ Hàng bán bị trả lại	(34.056.644.392)	(45.699.137.949)
	(34.414.121.962)	(46.775.708.292)
Doanh thu thuần	10.235.945.443.038	8.136.807.172.748

24. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Thành phẩm đã bán	9.282.316.590.860	7.599.712.382.943
Nguyên vật liệu đã bán	27.938.614.669	4.725.196.995
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.168.220.109)	(2.702.566.224)
	9.308.086.985.420	7.601.735.013.714

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	64.143.436.036	67.500.952.723
Cổ tức được chia từ các công ty con	8.266.918.995	57.795.911.941
Cổ tức thu được từ chứng khoán kinh doanh	335.254.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	31.549.417.152	17.826.972.841
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa được thực hiện	1.413.580.620	3.989.616.283
Khác	667.988.079	-
	106.376.595.282	147.113.453.788

26. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	120.046.458.484	147.510.699.614
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	65.646.099.782	56.288.599.884
Chi phí phát hành trái phiếu	5.000.000.004	5.000.000.004
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	68.723.178.527
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	(1.431.166.424)	1.666.641.535
Chi phí tài chính khác	20.772.129	20.346.477
	189.282.163.975	279.209.466.041

27. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí vận chuyển	125.127.331.379	125.515.700.885
Chi phí thuê kho	51.088.824.595	51.364.133.618
Chi phí hoa hồng	18.509.133.731	19.634.491.907
Chi phí nhân viên	12.977.398.724	13.535.479.276
Chi phí khác	42.226.456.914	25.657.241.478
	249.929.145.343	235.707.047.164

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	28.785.038.084	25.273.060.889
Dụng cụ văn phòng	6.615.316.598	6.371.675.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.458.448.246	8.017.748.589
Chi phí khấu hao	5.227.581.463	5.413.938.983
Phí ngân hàng	1.024.602.187	1.190.519.833
Chi phí khác	12.100.351.355	7.201.989.171
	60.211.337.933	53.468.933.094

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.635.491.080.383	5.903.016.767.458
Chi phí nhân công và nhân viên	637.452.150.128	502.381.380.113
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.063.688.083	33.345.867.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.360.139.903	325.128.108.682
Chi phí khác	68.705.091.050	43.242.467.693

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	63.509.071.583	6.318.026.109
Dự phòng thiếu trong những năm trước	343.572.311	-
	63.852.643.894	6.318.026.109
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	496.047.813	1.308.117.389
	64.348.691.707	7.626.143.498

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	536.121.013.390	116.473.261.592
Thuế theo thuế suất của Công ty	53.612.101.339	11.647.326.159
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho thu nhập từ hoạt động thương mại và doanh thu khác	10.849.835.245	1.568.726.330
Chi phí không được khấu trừ thuế	403.400.152	189.682.203
Thu nhập không bị tính thuế	(860.217.340)	(5.779.591.194)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	343.572.311	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.348.691.707	7.626.143.498

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 10% lợi nhuận chịu thuế cho hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại và các hoạt động khác (2016: 20%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan như sau:

	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý		
Bán thành phẩm	194.721.215.205	239.303.216.243
Thuê văn phòng	330.000.000	330.000.000
Chi phí thuê nhà xưởng	10.800.000.000	16.200.000.000
Mua nguyên vật liệu	1.757.418.748	-
Mua dịch vụ	6.196.095.463	-
Cổ tức	-	45.563.698.023
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát		
Bán thành phẩm	1.026.397.126.800	65.527.406.838
Thuê văn phòng	80.000.000	80.000.000
Chi phí thuê nhà xưởng	15.600.000.000	18.750.000.000
Mua dịch vụ	25.173.894.906	-
Cổ tức	-	11.962.660.918
Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang		
Mua nguyên vật liệu	6.090.947.389	7.208.809.844
Mua thành phẩm	1.411.364.608.289	740.924.405.370
Bán nguyên vật liệu	28.410.711.847	4.880.838.690
Bán thành phẩm	2.803.126.940.401	1.528.974.113.245
Thu nhập cho thuê	803.957.939	100.000.000
Phí thuê nhà kho	37.298.148	728.045.803
Cổ tức	8.266.918.995	-
Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú - Kiên Giang		
Mua nguyên vật liệu	278.397.486.758	7.753.658.200
Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú		
Mua thành phẩm	607,500,000	-
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An		
Mua nguyên vật liệu	234,677,571,921	-
Công ty Cổ phần Mseafood		
Bán thành phẩm	2.328.018.786.459	3.432.364.864.491
Hàng bán bị trả lại	16.346.372.060	12.226.949.072
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú		
Mua dịch vụ	22.896.021.000	12.756.050.204
Thu nhập cho thuê	-	150.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Kho vận Ebisumo		
Bán thành phẩm	515.335.125.279	971.069.381
Góp vốn	-	935.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú		
Bán thành phẩm	12.586.810.609	-
Mua dịch vụ	7.801.687.033	-
Góp vốn	-	20.000.000
Doanh nghiệp Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú		
Mua dịch vụ	2.782.800.000	-
Góp vốn	1.510.000.000	-
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	711.666.667	-
Cung cấp dịch vụ	29.832.620.490	2.590.410.240
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	2.371.041.223	1.829.200.255

Các nghiệp vụ với nhân sự chủ chốt

Tổng lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lương thưởng và trợ cấp	7.487.360.038	7.883.473.542

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Hoạt động đầu tư phi tiền tệ

	2017	2016
	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	6.264.390.840	6.066.375.458

33. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 9 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã phê duyệt các vấn đề sau:

(a) Niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) với mã giao dịch là MPC. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 9 tháng 3 năm 2018 đã thông qua kế hoạch huỷ giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Upcom và thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh trong năm 2018.

(b) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 1:1 từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối theo báo cáo tài chính riêng được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 1.384.628.500.000 VND.

(c) Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ chủ chốt của Công ty

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ chủ chốt của Công ty với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 1.537.150 cổ phiếu, tương ứng với tổng mệnh giá phát hành là 15.271.500.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 1.400 tỷ VND.

(d) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 60.000 cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến là 600 tỷ VND cho nhà đầu tư riêng lẻ. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau phát hành của Công ty là 2.000 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Đầu tư mở rộng nhà máy Minh Phú Cà Mau

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua dự án đầu tư mở rộng nhà máy Minh Phú Cà Mau với tổng vốn đầu tư xây dựng mở rộng dự kiến là 1.000 tỷ VND với thời gian xây dựng dự kiến là quý 3 năm 2018.

(f) Bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị

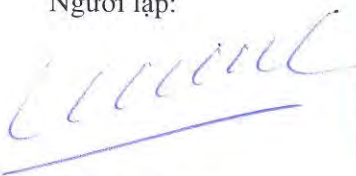
Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc bầu bổ sung bà Hồ Thu Lê và ông Phan Thanh Lộc làm thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập của Công ty và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị lựa chọn thêm thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập để đảm bảo đủ tiêu chí thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập theo quy định.

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc